

HIỆN TRẠNG THÂM THỰC VẬT RỪNG TẠI HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

NGUYỄN THỊ QUYÊN

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Huyện Sông Mã cách thành phố Sơn La 110km về phía Tây Nam theo trục quốc lộ 4G với tọa độ địa lý: 20⁰39'33"-21⁰22' vĩ độ Bắc và 103⁰14'56"-104⁰06'00" kinh độ Đông. Địa hình trong huyện chủ yếu là núi thấp và trung bình uốn nếp theo khối tầng, xen kẽ các thung lũng và bồn địa nhỏ hẹp với độ cao trung bình từ 1000-1500m so với mặt nước biển, đặc biệt có đỉnh núi cao trên 1.500m là đỉnh Facmo 1.772m ở phía Bắc. Huyện Sông Mã nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới và đây cũng là nơi hội tụ của các luồng thực vật: Luồng thực vật Himalaya-Vân Nam-Quảng Châu từ phía Bắc đổ xuống; luồng thực vật Malaysia-Indonesia từ phía Nam lên; luồng thực vật khô hạn India-Myanmar từ phía Tây sang và khu hệ thực vật bản địa. Huyện Sông Mã có 4 xã nằm hoàn toàn hoặc một phần trong Khu Bảo tồn thiên nhiên Sốp Cộp nên được đánh giá là khu vực có tính đa dạng thực vật phong phú. Dưới tác động mạnh mẽ của con người thảm thực vật rừng tự nhiên đã bị suy giảm cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay thảm thực vật tại đây được bảo vệ và khoanh nuôi phục hồi. Điều tra hiện trạng thảm thực vật sẽ cung cấp cơ sở khoa học giúp cho việc quản lý, bảo tồn trong chiến lược quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tại huyện Sông Mã trong những năm tiếp theo.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Sử dụng khung phân loại UNESCO (1973) đã được Phan Kế Lộc áp dụng vào Việt Nam (1985) để phân loại thảm thực vật, sử dụng phương pháp của Thái Văn Trùng để mô tả cấu trúc thảm thực vật. Tên loài cây được xác định theo Phạm Hoàng Hộ và các công trình khác đã công bố.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Theo khung phân loại của UNESCO (1973), huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La có 4 lớp quần hệ như sau:

I. Lớp quần hệ Rừng rậm

1.A.1a. Quần hệ rừng nhiệt đới thường xanh mưa mùa trên núi thấp

1.A.1a (1) Phân quần hệ cây lá rộng

Phân quần hệ này nằm rải rác trên núi và tại các khu rừng thiêng của đồng bào dân tộc thiểu số. Hiện nay chúng đã bị tác động khá nhiều: Khai thác gỗ, củi, lấy thuốc... Các hệ sinh thái rừng nguyên sinh có thành phần đa dạng và phong phú hơn so với rừng phục hồi sau nương rẫy hoặc sau khai thác. Cây gỗ cao trung bình 20-25m, đường kính bình quân 20-30cm, đôi khi có cây gỗ to đến 50cm, độ che phủ của kiểu rừng này đạt 0,7-0,8. Rừng có cấu trúc 4 tầng rõ rệt, thực vật ngoại tầng khá đa dạng và phong phú. Các họ cây gỗ đặc trưng của kiểu rừng này chủ yếu thuộc họ Vang (Caesalpiniaceae), họ Long não (Lauraceae), họ Xoan (Meliaceae), họ Trinh nữ (Mimosaceae), họ Bứa (Clusiaceae), họ Cam quýt (Rutaceae), họ Chè (Theaceae)... Tầng cây bụi chủ yếu là cây chịu bóng và là cây con của các loài gỗ tầng trên. Thảm tươi mọc rải rác, phân tán, chủ yếu là các loài trong họ Ráy (Araceae), họ gừng (Zingiberaceae), họ Hoà thảo (Poaceae), họ Hoàng tinh (Marantaceae), các loài trong ngành Dương xỉ (Polypodiophyta)...

Thực vật ngoại tầng khá đa dạng và phong phú với các loài trong họ Phong lan (Orchidaceae), dây leo trong họ Củ nân (Dioscoreaceae), họ Nho (Vitaceae), họ Đậu (Fabaceae)...

I.A.1a (2) Phân quần hệ hỗn giao cây lá rộng-cây lá kim

Do tác động mạnh mẽ của con người nên phân quần hệ này chỉ phân bố rải rác ở một vài điểm (như ở ven suối Nậm Công thuộc xã Huổi Một). Trong phân quần hệ này các cây gỗ đạt chiều cao trung bình 18-25m, đường kính đạt 25-30cm, độ che phủ từ 0,7-0,8. Rừng có cấu trúc 4 tầng khá rõ rệt. Tầng cây gỗ chủ yếu là các loài cây lá rộng thuộc họ Dẻ (Fagaceae), họ Long não (Lauraceae), họ Chè (Theaceae), họ Ngọc lan (Magnoliaceae), họ Trinh nữ (Mimosaceae), họ Vang (Caesalpiniaceae)... mọc hỗn giao với một số loài cây lá kim như Thông nàng (*Dacrycarpus imbricatus*), Du sam núi đất (*Keteleeria evelyniana*)... Trong đó loài Du sam mọc với tổ thành cao gần như thuần loài tại thác Nậm Công nhưng với diện tích không đáng kể. Dưới tán rừng, tầng cây bụi chủ yếu gồm các loài trong họ Cam quýt (Rutaceae), họ Chè (Theaceae), họ Cà phê (Rubiaceae)... Tầng thảm tươi tương đối phát triển. Dây leo chủ yếu trong họ Đậu (Fabaceae), họ Nho (Vitaceae), họ Củ nân (Dioscoreaceae), họ Khoai lang (Convolvulaceae)...

I.A.1b. Quần hệ rừng nhiệt đới thường xanh mưa mùa trên núi trung bình

I.A.1b (1) Phân quần hệ cây lá rộng

Phân bố tập trung chủ yếu tại các xã Mường Cai, Huổi Một, Mường Hung, Nậm Mẩn nằm xung quanh vùng đệm Khu Bảo tồn thiên nhiên Sốp Cộp. Phân quần hệ này đã bị tác động ít nhiều, nhưng vẫn mang đặc trưng của hệ sinh thái rừng nguyên sinh. Độ tàn che đạt 0,8, chiều cao trung bình cây gỗ từ 20-25m, đường kính từ 20-30cm. Thực vật tạo rừng khá phong phú, phổ biến là các loài trong họ Dầu (Dipterocarpaceae), họ Xoan (Meliaceae), họ Trinh nữ (Mimosaceae), họ Vang (Caesalpiniaceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Dầu tằm (Moraceae), họ Dẻ (Fagaceae), họ Long não (Lauraceae), họ Ngọc lan (Magnoliaceae), họ Na (Annonaceae), họ Sim (Myrtaceae), họ Thị (Ebenaceae), họ Bứa (Clusiaceae)... Rừng phân thành 5 tầng rõ rệt, thực vật ngoại tầng rất phong phú với nhiều loài thực vật phụ sinh và kí sinh cũng như dây leo thân gỗ và thân thảo chằng chịt tăng thêm sự rậm rạp của hệ sinh thái rừng. Các loài phổ biến thuộc họ Phong lan (Orchidaceae), họ Na (Annonaceae), họ Kim cang (Smilacaceae), họ Nho (Vitaceae), họ Củ nân (Dioscoreaceae), họ Cau (Arecaceae),... Thảm tươi có thành phần loài khá đa dạng và phong phú với nhiều loài kích thước lớn trong họ Hoà thảo (Poaceae), họ Chuối (Musaceae), họ Ráy (Araceae)... Ngoài ra còn nhiều loài dương xỉ khác.

I.A.1b (2) Phân quần hệ hỗn giao cây lá rộng-cây lá kim

Phân bố chủ yếu khu vực núi Phu Cấm (Mường Cai) thuộc Khu Bảo tồn thiên nhiên Sốp Cộp. Phân quần hệ này ít bị tác động nhất, đang được bảo vệ nghiêm ngặt vì vậy còn giữ được tính nguyên sinh của rừng. Độ tàn che của tán rừng thường đạt 0,8 có nơi đạt 0,9. Rừng chia thành 5 tầng rõ rệt. Hệ thực vật trong rừng rất phong phú và đa dạng, chủ yếu là các loài cây lá rộng thuộc các họ Dẻ (Fagaceae), họ Long não (Lauraceae), họ Chè (Theaceae), họ Ngọc lan (Magnoliaceae), họ Thích (Aceraceae), họ Côm (Eleocarpaceae), họ Chùm ớt (Bignoniaceae), họ Vang (Caesalpiniaceae), họ Xoan (Meliaceae)... mọc hỗn giao với một số loài cây lá kim như Sam bông (*Amentotaxus argotaenia*), Bách xanh (*Calocedrus macrolepis*), Thông nàng (*Dacrycarpus imbricatus*), Du sam núi đất (*Keteleeria evelyniana*). Trong phân quần hệ này gần như hoàn toàn vắng mặt các loài cây thuộc họ Dầu (Dipterocarpaceae). Thực vật ngoại tầng có các loài dây leo thân thảo và thân gỗ trong họ Dây gắm (Gnetaceae), họ Kim cang (Smilacaceae), họ Nho (Vitaceae), họ Cau (Arecaceae), họ Lan (Orchidaceae)...

I.A.1c. Quần hệ rừng nhiệt đới thường xanh mưa mùa trên đá vôi ở núi thấp

Thành phần thực vật tạo rừng trong quần hệ này có những loài mang tính chỉ thị cao, đặc trưng như Nghiến (*Burretiodendron tonkinense*), Trai (*Garcinia fagraeoides*), Mạy tèo (*Streblus macrophyllus*), Lát hoa (*Chukrasia tabularis*), Nang trứng (*Hydnocarpus kurzii*), Sâng (*Pometia pinnata*), Đinh (*Fernandoa* sp.), Vàng anh (*Saraca dives*), Trường (*Pavieasia annamensis*)... Tuy nhiên các loài Nghiến, Mạy tèo thường xuất hiện với số lượng ít là một đặc điểm riêng biệt cho kiểu rừng này. Nhìn chung ở những nơi ít bị tác động, rừng chia thành 4 tầng với độ che phủ đạt 0,6.

Rừng trên điều kiện lập địa này khá phức tạp. Trên những diện tích có nhiều đất và đã qua canh tác nương rẫy thường xuất hiện rừng phục hồi với các loài chịu khô hạn chiếm ưu thế như Vối thuốc (*Schima wallichii*), Thành ngạnh (*Cratoxylum polyanthum*)... Còn nơi là khối đá lớn, dốc đứng, thường xuất hiện những loài cây như Huyết giác (*Dracaena cambodiana*), Sung đá (*Ficus* sp.), Mạy tèo (*Streblus macrophyllus*),... với chiều cao thấp như trảng cây bụi.

Thực vật ngoại tầng cũng khá phong phú, chủ yếu là các loài dây leo thuộc họ Na (Annonaceae), họ Củ nâu (Dioscoreaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Trúc đào (Apocynaceae), họ Khoai lang (Convolvulaceae)...

I.A.1d. Quần hệ rừng tre (Bambusoideae) nhiệt đới ở địa hình thấp và núi thấp

Đây là quần hệ được hình thành sau nương rẫy hoặc rừng cây gỗ bị khai thác trắng phân bố từ địa hình thấp đến núi thấp.

I.A.1d (1) Rừng tre nửa thuần loại

Thực vật tạo rừng chủ yếu loài Mạy sọt (*Schizostachyum* sp.), Vầu (*Indosasa* sp.), Mạy hóc (*Dendrocalamus hamiltonii*), Tre gai (*Bambusa bambos*)... mọc thành quần hệ thuần loại. Thảm tre nửa thường một tầng, mật độ cây khá dày (400-600 bụi/ha và 50.000-60.000 cây/ha) với đường kính bình quân 5-6cm, chiều cao bình quân 7-8m tùy thuộc vào từng loài cụ thể. Dưới tán rừng thảm tươi phân bố không đều, những nơi trống trải thường gặp các loài cây thuộc họ Hoà thảo (Poaceae), họ Cói (Cyperaceae), một số loài họ Cà phê (Rubiaceae)... Dây leo phổ biến thuộc họ Thiên lý (Asclepiadaceae) và họ Tiết dê (Menispermaceae)...

I.A.1d (2) Phân quần hệ tre nửa hỗn giao với cây gỗ lá rộng

Rừng chủ yếu 1 tầng với tầng tán đôi khi không đều tạo ra bởi các loài cây gỗ mọc xen. Chiều cao bình quân của tre nửa từ 6-7m, mật độ cây khoảng 30.000-40.000 cây/ha, đường kính từ 6-7cm. Loài cây lá rộng có khả năng chịu hạn phổ biến thuộc họ Long não (Lauraceae), họ Sau sau (Hamamelidaceae), họ Vang (Caesalpiniaceae), họ Cà phê (Rubiaceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Ban (Hypericaceae)... với chiều cao trung bình từ 5-6m, đường kính từ 6-7cm, độ che phủ cây gỗ đạt 0,3. Thảm tươi thưa thớt với nhiều loài có khả năng chịu hạn cao. Dây leo gồm các loài trong họ Thiên lý (Asclepiadaceae), họ Đậu (Fabaceae)...

II. Lớp quần hệ rừng thưa

II.A.1a. Quần hệ rừng thưa thường xanh cây lá rộng ở núi thấp

Đây là rừng tái sinh sau nương rẫy hoặc khai thác trắng. Tầng cây gỗ chỉ đạt độ khép tán khoảng 40%, thường không rõ tầng lập quần. Kích thước cây rừng biến động mạnh, phụ thuộc vào thời gian phục hồi dài hay ngắn cũng như điều kiện lập địa. Những nơi có thời gian phục hồi dài, chiều cao cây trung bình khoảng 15m, đường kính 18-20cm, dưới tán rừng xuất hiện một số loài cây của rừng nguyên sinh như Re hương (*Cinnamomum parthenoxylum*).

Thành phần loài và cấu trúc rừng khá đơn giản, rừng chỉ có một tầng cây gỗ có tán đều nhưng khá thưa nên dưới tán rừng thảm cây bụi và tầng thảm tươi khá phát triển với ưu thế thuộc về các loài cỏ cao trong họ Hòa thảo (Poaceae) và họ Cúc (Asteraceae). Thực vật tạo rừng chủ yếu trong họ Chè (Theaceae), họ Xoài (Anacardiaceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Dâu tằm (Moraceae), họ Trinh nữ (Mimosaceae), họ Ban (Hypericaceae), họ Xoan (Meliaceae), họ Long não (Lauraceae), họ Vang (Caesalpiniaceae)... với các loài tiên phong ưa sáng, chịu khô hạn, mọc nhanh như Vối thuốc (*Schima wallichii*), Chẹo trắng (*Engelhardia spicata*), Thành ngạnh (*Cratogeomys polyanthum*), Mán địa (*Archidendron* sp.), Ngái (*Ficus hispida*)... Dây leo thường gặp trong họ Thiên lý (Asclepiadaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Bầu bí (Cucurbitaceae), họ Khoai lang (Convolvulaceae)...

III. Lớp quần hệ cây bụi

III.A.1a Quần hệ cây bụi nhiệt đới thường xanh cây lá rộng trên đất địa đới

III.A.1a (1) Có cây gỗ mọc rải rác

Phân quần hệ này thường có nguồn gốc thứ sinh, là tiền đề cho quá trình phục hồi rừng trên nương rẫy bỏ hoá hoặc trên những diện tích khai thác trắng... Thảm thực vật gồm 2 tầng: Tầng cây bụi thường không liên tục chủ yếu là Mua (*Melastoma candidum*), Mua rừng nhiều hoa (*Blastus multiflorus*),... ngoài ra có một số loài cây gỗ chịu hạn, tiên phong, ưa sáng dạng bụi trong họ Cúc (Asteraceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Dâu tằm (Moraceae), họ Trinh nữ (Mimosaceae), họ Ban (Hypericaceae), họ Xoan (Meliaceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Du (Ulmaceae), họ Long não (Lauraceae),... như Vối thuốc (*Schima wallichii*), Ngái (*Ficus hispida*), Thầu tấu (*Aporosa dioica*), Màng tang (*Litsea cubeba*), Hu đay (*Trema orientalis*), Mồ (*Cryptocarya* sp.), Ngát (*Gironniera subaequalis*)... Tầng thảm tươi tương đối phát triển. Quần phiên dây leo chủ yếu là các loài trong họ Khoai lang (Convolvulaceae), họ Thiên lý (Asclepiadaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Lạc tiên (*Passiflora foetida*), họ Bầu bí (Cucurbitaceae)...

III.A.1a (2) Không có cây gỗ

Đây là kết quả của nương rẫy bỏ hoá hoặc chặt trắng rừng, các loài cây gỗ chưa mọc trở lại. Thành phần loài đơn giản, cấu trúc một tầng cỏ quyết với các loài chủ yếu trong họ Cúc (Asteraceae), họ Hoà thảo (Poaceae)... Thường gặp ưu hợp Cỏ lào (*Chromolaena odorata*), Ngái cứu rừng (*Artemisia japonica*), Cứt lợn (*Ageratum conyzoides*); ưu hợp Cỏ tranh (*Imperata cylindrica*) và một số loài cỏ cao trong họ Hoà thảo (Poaceae). Ngoài ra còn gặp các loài cây bụi trong họ Cà phê (Rubiaceae), họ Bông (Malvaceae), họ Cà (Solanaceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), như Găng gai (*Randia spinosa*), Bò cu vể (*Breynia fruticosa*), Cối xay (*Abutilon indicum*), Ké (*Malvastrum coromandelianum*), Cà dại (*Solanum procumbens*)... Dây leo ít gặp, gồm một số loài trong họ Thiên lý (Asclepiadaceae), họ Khoai lang (Convolvulaceae),...

III.A.1a (3) Thảm tre trúc

Thành phần loài đơn giản, chủ yếu là các loài Tre nứa (*Bambusoideae*) như Nứa (*Neohouzeaua dullooa*), Tre gai (*Bambusa bambos*) và một số loài tre khác. Mật độ cây khá thưa, khoảng 7000 cây/ha, cao từ 2-4m đường kính từ 3-4cm. Dưới tán rừng, thảm tươi khá thưa thớt, chủ yếu là những loài hoà thảo (Poaceae), dây leo trong họ Đậu (Fabaceae), họ Thiên lý (Asclepiadaceae)... có khả năng chịu hạn cao.

III.A.1b Quần hệ thảm cây bụi nhiệt đới thường xanh cây lá rộng trên đá vôi

Được tạo thành bởi một số loài gỗ nhỏ trong họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Ban (Hypericaceae), họ Long não (Lauraceae), họ Dâu tằm (Moraceae),... như Sòi tía (*Sapium discolor*), Thầu tấu (*Aporosa sphaerosperma*), Ba soi (*Macaranga denticulata*), Màng tang (*Litsea cubeba*), Mây tèo (*Streblus macrophyllus*)... Ngoài ra còn gặp những loài thân thảo trong họ Hoà thảo (Poaceae) như Lau (*Saccharum spontaneum*), Chít (*Thysanolaena maxima*), Nứa (*Neohouzeaua dullooa*),... và một số loài trong họ Cúc (Asteraceae), họ Bông (Malvaceae), họ Cà phê (Rubiaceae)... Dây leo trong họ Khoai lang (Convolvulaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Thiên lý (Asclepiadaceae)...

IV. Lớp Quần hệ trảng cỏ

IV.A.1a Quần hệ thảm cỏ dạng lúa cao nhiệt đới, chịu hạn có cây gỗ che phủ 10-40% có hay không có cây bụi

Có nguồn gốc thứ sinh sau khai thác rừng hoặc nương rẫy bỏ hoang. Các loài cây dạng lúa cao như Lau (*Saccharum spontaneum*), Chít (*Thysanolaena maxima*), Chè vè (*Miscanthus sinensis*) và cỏ cây gỗ chịu hạn che phủ đạt 10-40% trong họ Cà phê (Rubiaceae), họ Dâu tằm (Moraceae), họ Long não (Lauraceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Ban (Hypericaceae),... như Ba soi (*Macaranga denticulata*), Bời lồi (*Litsea verticillata*), Thành ngạnh (*Cratoxylum pruniflorum*)... Ngoài ra còn có cây bụi trong họ Cúc (Asteraceae), họ Trôm (Sterculiaceae), họ Bông (Malvaceae)... như Cỏ lào (*Chromolaena odorata*), Thâu kén (*Helicteres angustifolia*)...

IV.A.1b Quần hệ thảm cỏ dạng lúa cao nhiệt đới, chịu hạn có cây gỗ che phủ ít hơn 10% có hay không có cây bụi

Chủ yếu phân bố trên đất sau nương rẫy bạc màu. Các loài phổ biến là Chít (*Thysanolaena maxima*), Lau (*Saccharum spontaneum*), Sậy khô (*Phragmites vallatoria*), Cỏ lào (*Chomolaena odorata*), Cứt lợn (*Ageratum conyzoides*) và một số loài Hoà thảo khác. Cây gỗ ở loại hình này rất thưa thớt, có gặp một số loài trong họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Dâu tằm (Moraceae), họ Trinh nữ (Mimosaceae), họ Ban (Hypericaceae)...

IV.B.1a Quần hệ thảm cỏ dạng lúa trung bình nhiệt đới, chịu hạn có cây gỗ che phủ 10-40% có hay không có cây bụi

Thường gặp một số loài trong họ Hòa thảo (Poaceae) như Cỏ hoa tre (*Apluda mutica*), Cỏ lông vạc cạn (*Echinochloa colonum*), Cỏ tranh (*Imperrata cylindrica*) và một số loài trong họ Cúc Asteraceae như Cứt lợn (*Ageratum conyzoides*), Rau tàu bay (*Gynura crepidioides*), Cỏ lào (*Chomolaena odorata*),... Ngoài ra còn gặp một số loài cây gỗ trong họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) như Me rừng (*Phyllanthus emblica*), Ba bét (*Mallotus barbatus*), Đom đóm (*Alchornea rugosa*), Thầu tấu (*Aporosa dirica*)... hoặc các loài trong họ Ban (Hypericaceae), Đậu (Fabaceae)...

IV. B.1b Quần hệ thảm cỏ dạng lúa trung bình nhiệt đới, chịu hạn có cây gỗ che phủ ít hơn 10% có hay không có cây bụi

Chủ yếu là ưu hợp các loài Hòa thảo (Poaceae) như ưu hợp Cỏ tranh (*Imperrata cylindrica*) mọc thành vạt lớn ở những nơi đất bị thoái hoá mạnh, trơ sỏi đá. Ngoài ra còn có Cỏ lông lợn (*Pogonatherium crinitum*), Cỏ cháo (*Pseudechinolaena polystachya*), Tinh thảo (*Eragrostis* sp.)...

IV.C.1a Quần hệ thảm cỏ không dạng lúa cao nhiệt đới thuộc lớp Một lá mầm và Dương xỉ sống lâu năm

IV.C.1a (1) Trảng chuối

Đặc trưng bởi ưu hợp chuối rừng, thường gặp ở nơi ẩm thấp, khe suối. Dưới tán có các loài chịu bóng trong họ Ráy (Araceae), họ gừng (Zingiberaceae) và nhiều loài trong ngành Dương xỉ với mật độ không cao.

IV.C.2a Quần hệ thảm cỏ không dạng lúa thấp nhiệt đới thuộc lớp Hai lá mầm và Dương xỉ sống lâu năm

Thường gặp sau nương rẫy bỏ hóa 2-3 năm, thường gặp ưu hợp của một số loài trong họ Cúc (Asteraceae), họ Rau dền (Amaranthaceae) như Cứt lợn (*Ageratum conyzoides*), Rau tàu bay (*Gynura crepidioides*), Mào gà (*Celosia argentea*), Dền gai (*Amaranthus spinosus*)....

III. KẾT LUẬN

Theo khung phân loại của UNESCO (1973), thảm thực vật tự nhiên huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La gồm 4 lớp quần hệ với 13 quần hệ. Trong đó lớp quần hệ rừng kín có 4 quần hệ, lớp quần hệ rừng thưa có 1 quần hệ, lớp quần hệ trảng cây bụi có 2 quần hệ, lớp quần hệ trảng cỏ có 6 quần hệ. Rừng kín là lớp quần hệ mang tính chất nguyên sinh, các quần hệ còn lại là hậu quả của sự tác động của con người và đang trong giai đoạn phục hồi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Lâm nghiệp**, 1978. Sổ tay điều tra quy hoạch rừng, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
2. **Nguyễn Tiến Bản (chủ biên)**, 2003, 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 1, 2.
3. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999-2000. Cây cỏ Việt Nam, NXB. Trẻ Tp. Hồ Chí Minh, Tập 1-3.
4. **Phan Kế Lộc**, 1985. *Tạp chí Sinh học*, 7 (4)
5. **Thái Văn Trùng**, 2000. Các hệ sinh thái rừng nhiệt đới ở Việt Nam. NXB. KH & KT, Hà Nội 2000.
6. **UNESCO**, 1973. International classification and mapping of vegetation, Paris.

**CURRENT FOREST VEGETATION IN SONG MA DISTRICT,
SON LA PROVINCE**

NGUYEN THI QUYEN

SUMMARY

According to UNESCO (1973) classification, modified by Phan Ke Loc (1985), current forest vegetation of Song Ma district, Son La province includes 4 formation classes with 13 formations. Among them, the closed forest formation class includes 4 formations, the woodland (open stands of trees) formation class includes 1 formation, the scrub (shrubland or thicket) formation class includes 2 formations, the herbaceous vegetation formation class includes 6 formations.